

Phụ lục XXXI

BÁO CÁO CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

(Kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tình hình hoạt động của đại lý phân phối
(quý, năm)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Đánh giá về việc duy trì các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối

- Thông tin về trụ sở chính của đại lý phân phối, các địa điểm và nhân viên tại các địa điểm phân phối; các chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng của đại lý phân phối (nếu có).
- Thông tin về việc ban hành, sửa đổi các quy trình, quy tắc liên quan đến hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối.

II. Tình hình hoạt động đại lý phân phối

- Danh sách quỹ đầu tư chứng khoán được phân phối (tên quỹ, tên công ty quản lý quỹ).
- Tình hình giao dịch chứng chỉ quỹ tại đại lý phân phối trong kỳ báo cáo quý:

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo
1	Số lượng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ đã mở trong kỳ			
2	Tổng số lượng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong đó:			
2.1	Số lượng tài khoản của nhà đầu tư tổ chức trong nước			
2.2	Số lượng tài khoản của nhà đầu tư cá nhân trong nước			
2.3	Số lượng tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài			
3	Tổng số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ. Trong đó:			
3.1	Số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ của nhà đầu tư tổ			

	chức trong nước			
3.2	Số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ của nhà đầu tư cá nhân trong nước			
3.3	Số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ của nhà đầu tư nước ngoài			
4	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ nhà đầu tư nắm giữ cuối kỳ. Trong đó:			
4.1	Giá trị chứng chỉ quỹ nắm giữ bởi nhà đầu tư tổ chức trong nước			
4.2	Giá trị chứng chỉ quỹ nắm giữ bởi nhà đầu tư cá nhân trong nước			
4.3	Giá trị chứng chỉ quỹ nắm giữ bởi nhà đầu tư nước ngoài			
5	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ. Trong đó:			
5.1	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ cho nhà đầu tư tổ chức trong nước			
5.2	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ cho nhà đầu tư cá nhân trong nước			
5.3	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ cho nhà đầu tư nước ngoài			
6	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ. Trong đó:			
6.1	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ của nhà đầu tư tổ chức trong nước			
6.2	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ của nhà đầu tư cá nhân trong nước			
6.3	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ của nhà đầu tư nước ngoài			

Ghi chú: tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ đã mở là tài khoản đã được kích hoạt, đảm bảo tuân thủ các quy định về nhận biết khách hàng và sẵn sàng để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ; các chỉ tiêu tại mục 4 của bảng tính theo NAV/CCQ tại ngày cuối cùng của kỳ báo cáo; các chỉ tiêu tại mục 5, 6 của bảng tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ; cột “Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo” chỉ thực hiện đối với các chỉ tiêu tại mục 1, 5 và 6 của bảng.

3. Tình hình giao dịch chứng chỉ quỹ tại đại lý phân phối trong kỳ báo cáo năm (phân loại theo từng quỹ):

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo
1	Số lượng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ đã mở trong kỳ			
2	Tổng số lượng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong đó:			
2.1	Số lượng tài khoản của tổ chức trong nước			
2.2	Số lượng tài khoản của cá nhân trong nước			
2.3	Số lượng tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài			
3	Tổng số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ. Trong đó:			
3.1	Số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ của tổ chức trong nước			
3.2	Số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ của cá nhân trong nước			
3.3	Số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ của nhà đầu tư nước ngoài			
4	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ nhà đầu tư nắm giữ cuối kỳ. Trong đó:			
4.1	Giá trị chứng chỉ quỹ nắm giữ bởi tổ chức trong nước			
4.2	Giá trị chứng chỉ quỹ nắm giữ bởi cá nhân trong nước			
4.3	Giá trị chứng chỉ quỹ nắm giữ bởi nhà đầu tư nước ngoài			
5	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ. Trong đó:			
5.1	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ cho nhà đầu tư tổ chức trong nước			
5.2	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ cho nhà đầu tư cá nhân trong nước			
5.3	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ cho nhà đầu tư nước ngoài			

6	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ. Trong đó:			
6.1	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ của nhà đầu tư tổ chức trong nước			
6.2	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ của nhà đầu tư cá nhân trong nước			
6.3	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ của nhà đầu tư nước ngoài			

Ghi chú: tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ đã mở là tài khoản đã được kích hoạt, đảm bảo tuân thủ các quy định về nhận biết khách hàng và sẵn sàng để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ; các chỉ tiêu tại mục 4 của bảng tính theo NAV/CCQ tại ngày cuối cùng của kỳ báo cáo; các chỉ tiêu tại mục 5, 6 của bảng tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ; cột “Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo” chỉ thực hiện đối với các chỉ tiêu tại mục 1, 5 và 6 của bảng.

4. Tình hình rủi ro

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo
1	Rủi ro vận hành			
1.1	Tổng số thời gian (tính theo giờ) xảy ra sự cố làm gián đoạn việc cung ứng dịch vụ đại lý phân phối từ trên 02 giờ trong kỳ báo cáo			
1.2	Tổng số lượng giao dịch liên quan đến sự cố trong kỳ báo cáo			
1.3	Tổng giá trị giao dịch liên quan đến sự cố trong kỳ báo cáo			
2	Rủi ro gian lận, giả mạo			
2.1	Tổng số lượng giao dịch liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo đã được phát hiện trong kỳ báo cáo			
2.2	Tổng giá trị giao dịch liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo đã được phát hiện trong kỳ báo cáo			

III. Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đại lý phân phối

- Đánh giá kết quả hoạt động đại lý phân phối trong kỳ báo cáo.
- Đánh giá tình hình rủi ro, việc xử lý sự cố đã được phát hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- Luru: